TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2023.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Đổi

2. Bà Trương Thị Kim Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 543/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 05 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ tạm trú: ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Tống Thanh S, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ô khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An; ông S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/05/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T *trình bày*: Bà và ông Tống Thanh S chung

sống với nhau vào năm 2022, có mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà và ông S chung sống với nhau được 1 năm. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi vả do ông S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình. Cuộc sống vợ chồng không còn mang lại hạnh phúc nên bà và ông S ly thân từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông Tống Thanh S.

Về con chung: Có một con chung tên Tống Thanh T1, sinh ngày 12/10/2022. Cháu T1 hiện nay sống với bà T, khi ly hôn bà T xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng bị đơn ông Tống Thanh S vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với bị đơn ông Tống Thanh S. Ông Tống Thanh S đang cư trú tại Ô khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung sau khi ly hôn"; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T có nộp "Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt" đề ngày 15/8/2023, bị đơn ông Tống Thanh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T và bị đơn ông Tống Thanh S.

[1.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn ông

Tống Thanh S vắng mặt. Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T2 T có đơn đề nghị không hòa giải và đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Ngọc Thanh T và ông Tống Thanh S tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 99/2022 đăng ký ngày 04/10/2022 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc Thanh T và ông Tống Thanh S là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T trình bày cho rằng bà và ông S chung sống với nhau được một năm. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi vã nguyên nhân do ông S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, cuộc sống vợ chồng không còn mang lại hạnh phúc nên bà T và ông Tống Thanh S ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Đối với bị đơn ông Tống Thanh S, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng ông Tống Thanh S không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Tại phiên tòa, ông Tống Thanh S vẫn vắng mặt chứng tỏ ông Tống Thanh S không có thiện chí để hàn gắn tình cảm trong khi thời gian ly thân đã lâu và nguyên đơn bà T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T đối với bị đơn ông Tống Thanh S là có căn cứ, phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Ngọc Thanh T trình bày bà và ông Tống Thanh S có một con chung tên Tống Thanh T1, sinh ngày 12/10/2022. Khi ly hôn bà T có ý kiến yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện tại bà Nguyễn Ngọc T2 T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tống Thanh T1, cháu T1 hiện nay trẻ em dưới 36 tháng tuổi. Đối với bị đơn ông Tống Thanh S không có ý kiến trình bày về việc nuôi con chung. Do đó, trên cơ sở yêu cầu của đương sự, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của cháu Tống Thanh T1 nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận giao con chung Tống Thanh T1 cho bà Nguyễn Ngọc T2 T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T không yêu cầu ông Tống Thanh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn ông Tống Thanh S không có ý kiến trình bày. Vì vậy các bên không tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tranh chấp tài sản chung. Nếu sau này bà T và ông Tống Thanh S nếu có tranh chấp thì bà T, ông S được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc Thanh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn ông Tống Thanh S không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, khoản 1 Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T2 T về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn" đối với bị đơn ông Tống Thanh S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Thanh T được ly hôn với ông Tống Thanh S.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Tống Thanh T1, sinh ngày 12/10/2022. Ông Tống Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Nguyễn Ngọc T2 T không yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Ngọc Thanh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc Thanh T trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Ngọc Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Ngọc Thanh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003631 ngày 18/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Ngọc Thanh T đã nộp xong.

6. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T có mặt có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Tống Thanh S vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đà Loan, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Thành